

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ I/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>247.643.077.742</b>	<b>316.010.965.952</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.638.163.657	76.683.297.361
Tiền	111		22.228.163.657	5.785.897.361
Các khoản tương đương tiền	112		5.410.000.000	70.897.400.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.702.518.545</b>	<b>33.222.750.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	13.402.518.545	28.922.750.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2b	4.300.000.000	4.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>113.888.991.410</b>	<b>141.981.067.894</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	97.033.765.639	115.077.831.757
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.223.571.949	6.979.330.997
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.284.200.437	20.576.451.755
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(652.546.615)	(652.546.615)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>83.338.838.829</b>	<b>59.213.569.345</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	83.338.838.829	59.213.569.345
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.074.565.301</b>	<b>4.910.281.352</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.181.411.572	1.422.952.204
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.885.060.149	3.487.329.148
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.093.580	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>139.881.630.878</b>	<b>64.756.869.179</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	160.820.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	160.820.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.870.444.151</b>	<b>64.549.727.136</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	63.870.444.151	64.549.727.136
Nguyên giá	222		71.389.409.035	71.103.062.670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.518.964.884)	(6.553.335.534)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.450.000.000</b>	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.10	4.450.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>71.400.000.000</b>	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		71.400.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>161.186.727</b>	<b>46.322.043</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		161.186.727	46.322.043
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>387.524.708.619</b>	<b>380.767.835.131</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>97.149.399.363</b>	<b>85.992.484.819</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>97.149.399.363</b>	<b>85.992.484.819</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	51.768.535.957	49.088.608.719
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	12.161.432.226	18.434.462.235
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.954.291.028	14.257.881.743
Phải trả người lao động	314		3.911.028.716	3.467.393.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	200.000.000	200.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KHI hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	22.012.355.207	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	648.817.662	43.200.555
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	8.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	492.938.567	492.938.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>290.375.309.257</b>	<b>294.775.350.312</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	290.375.309.257	294.775.350.312
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.500.000.000)	(8.500.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.896.462.669	92.026.950.332
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.276.950.332	46.347.443.814
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.619.512.337	45.679.506.518
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.978.846.587	11.248.399.980
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>387.524.708.619</b>	<b>380.767.835.131</b>

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hồ Thanh Ngân



Vũ Thị Ngà



Trần Hữu Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	80.985.860.627	106.556.321.918
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>80.985.860.627</b>	<b>106.556.321.918</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	67.177.531.437	89.947.369.774
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.808.329.190</b>	<b>16.608.952.144</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	356.119.591	369.702.233
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	374.941.032	388.527.477
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.812.620.522	6.884.883.123
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.976.887.227</b>	<b>9.705.243.777</b>
Thu nhập khác	31	6.6	86.872.926	18.526
Chi phí khác	32	6.7	1.311.471	30.287.984
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>85.561.455</b>	<b>(30.269.458)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.062.448.682</b>	<b>9.674.974.319</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	1.373.676.463	1.973.131.638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(161.186.727)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.849.958.945</b>	<b>7.701.842.681</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	<i>61</i>		<i>4.619.512.337</i>	<i>7.711.163.653</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>		<i>230.446.608</i>	<i>(9.320.972)</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	237	385
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		237	385

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

Trần Hữu Đông

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý I năm 2020

Đơn vị: VND

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>Mã số</b>	<b>Quý I Năm 2020</b>	<b>Quý I Năm 2019</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.062.448.682	9.674.974.319
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	965.629.350	730.742.332
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(356.119.591)	(369.702.233)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.671.958.441	10.030.014.418
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.047.544.225	9.342.802.323
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23.893.659.269)	2.626.289.851
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.196.842.674	(2.760.287.151)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	241.540.631	177.864.547
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	15.520.231.455	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.064.904.702)	(7.291.202.122)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	588.232.732
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(20.727.581.106)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.719.553.455</b>	<b>(8.007.866.508)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.450.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(28.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	35.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(71.400.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	356.119.591	369.702.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(75.493.880.409)</b>	<b>7.369.702.233</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)**  
Quý I năm 2020

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Quý I Năm 2020	Quý I Năm 2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.000.000)	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.262.806.750)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.270.806.750)</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>76.683.297.361</b>	<b>15.074.159.158</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>27.638.163.657</b>	<b>14.435.994.883</b>

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Ngà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 17 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty**

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

**Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	95,00%	95,00%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC ("Công ty mẹ") và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên ("Công ty con"); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC ("Công ty con"); Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**4.3. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.5. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.6. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Sản phẩm dở dang                      Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình
- Hàng hóa                                      Bình quân gia quyền

**4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 – 06 năm

**4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

**4.10. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là ISCD, chi phí sửa chữa lớn tại sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.12. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**4.15. Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2018 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

**4.16. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

***Các quỹ***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**4.17. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.18. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**4.19. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** Theo quy định hiện hành của Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**4.20. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.21. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt	16.317.469.935	773.793.167
Tiền gửi ngân hàng	5.910.693.722	5.012.104.194
Các khoản tương đương tiền	5.410.000.000	70.897.400.000
<b>Cộng</b>	<b>27.638.163.657</b>	<b>76.683.297.361</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</i>	13.402.518.545	-	13.402.518.545	28.922.750.000	-	28.922.750.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	13.402.518.545	-	13.402.518.545	28.922.750.000	-	28.922.750.000
<b>Cộng</b>	<b>13.402.518.545</b>	<b>-</b>	<b>13.402.518.545</b>	<b>28.922.750.000</b>	<b>-</b>	<b>28.922.750.000</b>

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	<b>97.033.765.639</b>	<b>115.077.731.757</b>
- Công ty CP Vincom Retail	3.286.310.068	4.196.893.497
- Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	14.261.957.998	14.653.576.757
- Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix	2.353.365.014	6.855.146.852
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm	26.573.124.624	24.759.678.739
- Công ty Cổ phần thành phố du lịch Thái Sơn Tiên	6.676.354.262	-
- Các khách hàng khác	43.882.653.673	64.612.435.912
<b>Cộng</b>	<b>97.033.765.639</b>	<b>115.077.731.757</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Thương mại Long Nguyễn	2.691.146.973	-
- Công ty Cổ phần Van Shin Yi	115.689.867	-
- Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Sông Ninh Cơ	752.000.000	-
- EMEC SRL - Italy	440.223.798	833.781.805
- TAIZHOU HUANGYAN WEIKE PLASTIC CO	1.711.735.651	235.069.549
- MAYTRONIC AUSTRALIA PTY LTD	415.465.740	-
- GUANGZHOU H-FUN WATER RECREATIONAL ARTICLES CO.,LTD	-	65.806.019
- GUANGDONG POOLKING FILTRATION EQUIPMENT MANUFATURING CO., LTD	-	1.231.978.997
- AQVASTAR SMART FLOW SOLUTIONS	217.457.764	801.316.894
- Các nhà cung cấp khác	879.852.156	3.811.377.733
<b>Cộng</b>	<b>7.223.571.949</b>	<b>6.979.330.997</b>

**5.5 Phải thu khác****a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.769.647.156	-	11.425.439.507	-
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	2.147	-
Ký cược, ký quỹ	1.088.710.706	-	6.443.535.266	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.399.188	-	3.399.188	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	747.191.518	-	6.226.836.078	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	338.120.000	-	213.300.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.707.474.835</b>	-	<b>2.707.474.835</b>	-
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	162.022.043	-
- Kết Chuyển tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu	2.426.422.575	-	2.433.596.000	-
- Phải thu khác	-	-	111.856.792	-
<b>Cộng</b>	<b>10.284.200.437</b>	-	<b>20.576.451.755</b>	-

**5.6 Nợ xấu**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:</b>	<b>712.860.983</b>	<b>60.314.368</b>	<b>712.860.983</b>	<b>60.314.368</b>
<b>Từ 03 năm trở lên</b>	<b>511.813.091</b>	-	<b>511.813.091</b>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sống Đà	154.253.091	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
<b>Từ 02 đến dưới 03 năm</b>	<b>201.047.892</b>	<b>60.314.368</b>	<b>259.243.544</b>	<b>60.314.368</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	37.818.605	75.637.210	37.818.605
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	6.987.700	13.975.400	6.987.700
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	23.831.302	79.437.673	23.831.302
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	9.599.283	31.997.609	9.599.283



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

*Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*

	Quý I Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Số đầu năm	652.546.615	641.434.863
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	40.209.578
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(29.097.826)
<b>Số cuối năm</b>	<b>652.546.615</b>	<b>652.546.615</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.766.023.678	-	254.404.037	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.435.113.013	-	42.848.789.187	-
- Hàng hóa	17.647.321.779	-	16.108.376.121	-
<b>Cộng</b>	<b>83.338.838.829</b>	<b>-</b>	<b>59.211.569.345</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước***Chi phí trả trước ngắn hạn*

	01/01/2020 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ trong kỳ (VND)	31/03/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.422.952.204	92.296.749	(333.837.381)	1.181.411.572
<b>Cộng</b>	<b>1.422.952.204</b>	<b>92.296.749</b>	<b>(333.837.381)</b>	<b>1.181.411.573</b>

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
01/01/2020	57.703.717.181	10.733.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.103.062.670
Mua trong kỳ	286.346.365	-	-	-	286.346.365
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>31/03/2020</b>	<b>57.990.063.546</b>	<b>10.733.760.996</b>	<b>1.942.491.582</b>	<b>723.092.911</b>	<b>71.389.409.035</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>KH hết nhưng vẫn sử dụng</i>	119.000.000	-	-	-	119.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>					
01/01/2020	4.275.433.281	1.173.150.846	1.002.756.755	101.994.651	6.553.335.533
Khấu hao trong kỳ	780.948.278	149.558.204	25.155.018	9.967.850	965.629.350
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>31/03/2020</b>	<b>5.056.381.559</b>	<b>1.322.709.050</b>	<b>1.027.911.773</b>	<b>111.962.501</b>	<b>7.518.964.883</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
01/01/2020	53.428.283.900	9.560.610.150	939.734.827	621.098.259	64.549.727.136
<b>31/03/2020</b>	<b>52.933.681.987</b>	<b>9.411.051.946</b>	<b>914.579.809</b>	<b>611.130.409</b>	<b>63.870.444.151</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Đầu tư xây dựng cơ bản Dự án Hòa Bình	4.450.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.450.000.000</b>	<b>-</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Gia Vinh	7.041.978.571	7.041.978.571	5.472.043.653	5.472.043.653
Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	3.868.526.766	3.868.526.766	4.016.877.786	4.016.877.786
Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	-	-	3.309.516.054	3.309.516.054
Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	299.502.584	299.502.584	2.397.024.635	2.397.024.635
Công ty TNHH Thương mại Thanh Mơ	-	-	1.910.928.704	1.910.928.704
Công ty TNHH xây lắp cơ điện HTT	702.521.654	702.521.654	1.456.266.045	1.456.266.045
Các nhà cung cấp khác	39.856.006.382	39.856.006.382	30.525.951.842	30.525.951.842
<b>Cộng</b>	<b>51.768.535.957</b>	<b>51.768.535.957</b>	<b>49.088.608.719</b>	<b>49.088.608.719</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc	5.447.510.194	5.447.510.194
- Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	1.205.685.888	6.477.747.632
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	-	3.349.266.306
- Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	-	1.648.300.075
- Công ty CP đầu tư XD Thái Sơn	523.853.876	-
- Công ty TNHH Retail Miền Bắc	697.247.615	-
- Các khách hàng khác	4.287.134.653	1.511.638.028
<b>Cộng</b>	<b>12.161.432.226</b>	<b>18.434.462.235</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/03/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	1.453.879.500	1.453.879.500	2.673.811.823	2.673.811.823
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.755.867.628	3.755.867.628	11.447.095.867	11.447.095.867
- Thuế thu nhập cá nhân	744.543.900	744.543.900	96.937.253	96.937.253
- Các loại thuế khác	-	-	40.036.800	40.036.800
<b>Cộng</b>	<b>5.954.291.028</b>	<b>5.954.291.028</b>	<b>14.257.881.743</b>	<b>14.257.881.743</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Chi phí khác	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Doanh thu thi công lắp đặt hệ thống ME	19.911.849.728	-
- Doanh thu thi công lắp đặt hệ thống công nghệ bể bơi	2.100.505.479	-
<b>Cộng</b>	<b>22.012.355.207</b>	<b>-</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- BHYT, BHTN, BHXH	606.548.982	931.875
- Phải trả ngắn hạn khác	42.268.680	42.268.680
<b>Cộng</b>	<b>22.012.355.207</b>	<b>43.200.555</b>

**5.17 Dự phòng phải trả**

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	492.938.567	492.938.567
<b>Cộng</b>	<b>492.938.567</b>	<b>492.938.567</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**5.18 Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
<b>01/01/2019</b>	200.000.000.000	-	66.547.443.814	641.158.333	267.188.602.147
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	10.100.000.000	10.100.000.000
Chia lợi nhuận cho các cổ đồng không kiểm soát	-	-	-	(42.268.681)	(42.268.681)
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	(8.500.000.000)	-	-	(8.500.000.000)
Lãi trong năm nay	-	-	45.679.506.518	549.510.328	46.229.016.845
Chia cổ tức năm 2018	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
<b>31/12/2019</b>	<u>200.000.000.000</u>	<u>(8.500.000.000)</u>	<u>92.026.950.332</u>	<u>11.248.399.980</u>	<u>294.775.350.311</u>
<b>01/01/2020</b>	200.000.000.000	(8.500.000.000)	92.026.950.332	11.248.399.980	294.775.350.311
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn trong kỳ	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	4.619.512.337	230.446.608	4.849.958.945
Tạm ứng cổ tức năm 2019	-	-	(9.750.000.000)	-	(9.750.000.000)
<b>31/03/2020</b>	<u>200.000.000.000</u>	<u>(8.500.000.000)</u>	<u>86.896.462.669</u>	<u>11.978.846.587</u>	<u>290.375.309.256</u>

**Cổ phiếu**

	<b>31/03/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(500.000)	(500.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(500.000)	(500.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.500.000	19.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.500.000	19.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

	31/03/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>9.750.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>99.095.967.547</b>	<b>106.556.321.918</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	5.550.851.935	52.715.575.249
- Doanh thu bán thành phẩm	9.934.524.924	2.619.195.753
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	65.500.483.768	51.221.550.916
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>80.985.860.627</b>	<b>106.556.321.918</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	5.231.042.438	47.418.862.899
- Giá vốn thành phẩm	8.425.585.314	2.179.780.787
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	53.520.903.685	40.348.726.088
<b>Cộng</b>	<b>67.177.531.437</b>	<b>89.947.369.774</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	356.119.591	369.702.233
<b>Cộng</b>	<b>356.119.591</b>	<b>369.702.233</b>

**6.4. Chi phí bán hàng**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Chi phí bảo hành công trình	220.169.432	143.550.359
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.771.600	244.977.118
<b>Cộng</b>	<b>374.941.032</b>	<b>388.527.477</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.275.305.652	3.947.225.266
- Chi phí đồ dùng quản lý	59.767.323	335.794.293
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.085.485.350	548.597.390
- Thuế, phí và lệ phí	105.558.489	68.347.820
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.751.277	1.182.753.459
- Chi phí bằng tiền khác	1.902.752.431	802.164.895
<b>Cộng</b>	<b>7.812.620.522</b>	<b>6.884.883.123</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Thu nhập khác	86.872.926	18.526
<b>Cộng</b>	<b>86.872.926</b>	<b>18.526</b>

**6.7. Chi phí khác**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
- Chi phí khác	1.311.471	30.287.984
<b>Cộng</b>	<b>1.311.471</b>	<b>30.287.984</b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.373.676.463	1.973.131.638
<b>Cộng</b>	<b>1.373.676.463</b>	<b>1.973.131.638</b>

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:*

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	682.504.446	1.959.246.347
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH thiết bị vui chơi giải trí HVC Park)	337.113.749	-
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH tổng thầu cơ điện HVC)	250.027.813	-
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	104.030.455	13.885.291
<b>Cộng</b>	<b>1.373.676.463</b>	<b>1.973.131.638</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Quý I năm 2020

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
Chênh lệch tạm thời từ lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong năm	(805.933.634)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(161.186.727)</b>	<b>-</b>

**6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I năm 2020 (VND)	Quý I năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.619.512.337	7.701.842.681
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.619.512.337	7.701.842.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.500.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>237</b>	<b>385</b>

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

**7 THÔNG TIN KHÁC****7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác:** không có**7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

Trần Hữu Đông